TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-ST
Ngày: 07-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thuỷ

Nghề nghiệp: Giáo viên

2. Ông Lưu Đức Quang

Nghề nghiệp: Hưu Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn T, sinh năm 1990 tại An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Nhơn L, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An G; nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Văn N và bà: Phạm Thị Thanh T; Vợ: Đoàn Thị Mộng T; có 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2013, lớn nhất sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021.

2. Phạm Văn H, sinh ngày 06/6/1989 tại Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Mỹ C, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng B; Nơi cư trú:

cư xá Thanh Đ, Phường A, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn D (chết) và bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Nguyễn Thị Thuý H; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021.

3. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 09/3/1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xô Viết Nghệ T, Phường B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và bà: Nguyễn Thị Thu T; Chồng: Nguyễn Thanh H; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015 bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021.

4. Phạm Hoài Ngọc Đ, sinh ngày 15/12/1992 tại Thái Lan. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nơ Trang L, Phường C, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Nơ Trang L, Phường C, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Như T và bà: Võ Thị Q; Vợ: Trần Ngọc T; có 01 con, sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021.

5. Mai Hoàng P, sinh ngày 04/11/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Hiệp Bình P, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: phường Hiệp Bình P, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Công D và bà: Nguyễn Huỳnh Mai T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021.

6. Dương Văn L, sinh năm 1981 tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Nam C, xã Lịch Hội T, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc T. Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Văn P và bà: Tào Thị P; Vợ: Lâm Thị Bích T; Có 01 con, sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2022.

7. Trần Tất T, sinh ngày 25/7/1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cách Mạng Tháng T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Cách Mạng Tháng T, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Tiến T (chết) và bà: Trần Thị P (chết); vợ: Nguyễn Thị Tuyết L; có 01 con sinh năm 1998; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Lê Thị Kim C, sinh ngày 26/8/1972 tại An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường An T, thành phố Hồng N, tỉnh Đồng T. Nơi cư trú: Trường C, Phường G, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Công P (chết) và bà: Nguyễn Thị H (chết); chồng: không; có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Nguyễn Thị Ánh M, sinh ngày 31/5/1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Tống Văn H, Phường H, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn D (chết) và bà: Võ Thị M (chết); Chồng: Huỳnh C; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10; Đến ngày 06/5/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh.

10. Trương Thuý L, sinh ngày: 05/02/1961 tại Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Kiên Thị N, Phường A, thành phố Trà V, tỉnh Trà V; Nơi cư trú: đường Lý Thường K, Phường M, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn T (chết) và bà: Lê Thị M (chết); Chồng: Cao Minh S; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Nguyễn Mỹ H, sinh ngày: 02/01/1962 tại Trà Vinh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Trần Văn Đ, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: đường Lý Thường K, Phường M, quận Tân B, Thành phố Hồ

Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Lê Thị M (chết); Chồng: Nguyễn Thành V; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1974 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Trường C, Phường N, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Miếu Gò X, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Văn T và bà: Nguyễn Thị N; có 01 con sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

13. Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày: 01/4/1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nguyễn Văn N, Phường Tân Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Nguyễn Văn N, Phường Tân Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc S và bà: Phạm Thị C; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

14. Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày: 01/11/1968 tại: Gia Lai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hồ Bá K, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Lý Thường Kiệt, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: giúp việc; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (chết) và bà: Trần Thị Xuân T (chết); chồng: Bảo T (chết); có 01 con sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

15. Võ Vương T, sinh ngày: 20/5/1988 tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Liên T, Phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Anh T và bà: Vương Thị Ngọc T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an

Quận 10. Đến ngày 06/5/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh.

16. Nguyễn Thị N, sinh ngày: 07/5/1977 tại: Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Văn H, huyện Ninh G, tỉnh Hải D. Nơi cư trú: Thành T, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C (chết) và bà: Vũ Thị B (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

17. Thi Tuệ N, sinh ngày: 15/5/1971 tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phó Cơ Đ, Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Phó Cơ Đ, Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thi P (chết) và bà: Huỳnh M (chết); Chồng Tất Thiếu H (đã ly hôn); Có 02 con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/12/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm tù treo, thời gian thử thách là 02 năm về tội đánh bạc; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

18. Chang Mỹ L, Sinh ngày: 17/11/1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Âu Cơ, Phường P, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chang Thi P (chết) và bà: Nguyễn Thị L; Chồng: Trần Chí X; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10. Đến ngày 06/5/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh.

19. Hồ Quang M, sinh năm: 1977 tại: Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Bình T, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: đường Bình T, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn C (chết) và bà: Hồ Thị L (chết); Vợ: Nguyễn Thị Thùy D; Có 01 con sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

20. Nguyễn Đăng Cảnh N, sinh ngày: 22/8/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Dương Quảng H, Phường Q, quận Gò

V, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Đường số A, Phường F, quận Gò V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thiện L và bà: Đặng Thị Ngọc Á (chết); Chồng: Trần Thái S; Có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

21. Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 15/5/1975 tại: Bến Tre. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nguyễn H, Phường An H, thành phố Bến T, tỉnh Bến T. Nơi cư trú: đường B, phường Phú T, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc S (chết) và bà: Trần Thị Á; Chồng: Lê Hồng P; Có 01 con, sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày 17/3/2021; Ngày 25/3/2021 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

22. Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày: 05/9/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đinh Tiên Hoàng (Lê Văn D), Phường O, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Đinh Tiên H (Lê Văn D), Phường O, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T và bà: Trịnh Thị Anh P; Vợ: Nguyễn Thị Mai A; Có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/8/2020, bị Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 10 áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng; nhân thân: Ngày 02/10/2021, Ủy ban nhân dân Quận 10 xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ không có giấy phép. Ngày 21/12/2021, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng; bị cáo bị tạm giữ kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10. Đến ngày 13/5/2021, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú.

23. Nguyễn Văn C, sinh ngày: 07/9/1971 tại: Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nguyễn Thái H, Phường Phạm Ngũ L, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Môi giới bất động sản; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hà Thị T; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10. Đến ngày 06/5/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh.

24. Nguyễn Thanh T, Sinh ngày: 20/5/1971 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Cách Mạng Tháng T, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú : Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà: Đỗ Thị N; Có 01 con sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 16/3/2021 tại Nhà tạm giữ - Công an Quận 10. Đến ngày 06/5/2022, thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh.

(Các bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn L:

Ông Man Đức V là Luật sư của Văn phòng luật sư Hưng Thịnh V thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần M và bà Lê Thị Ngọc Á (vắng mặt)

Địa chỉ: Bắc H, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trương Tấn T và bà Trương Thị D (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Tô Hiến T, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Chí Chánh Ô và bà Bùi Thị Hoài X (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Hồ Bá K, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Vũ Trọng Dinh, sinh năm 1974 (hiện bị tâm thần)

Địa chỉ: Nguyễn Xuân Ô, Phường S, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Vũ Trọng D

1. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1948 (vắng mặt)

2. Bà Đặng Thị Thuý H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3. Trẻ Vũ Trọng P, sinh năm 2006 (vắng mặt)

4. Trẻ Vũ Trọng Đ, sinh năm 2007 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho trẻ P, trẻ Đ:

Bà Đặng Thị Thuý H (mẹ ruột) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Nguyễn Xuân ôn, Phường S, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 16/3/2021, Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp với Công an Quận 10 bắt quả tang tại tầng trệt căn nhà số đường Hồ Bá K, Phường H, Quận F có các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Đăng T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P đang tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức trò chơi điện tử máy bắn cá, bắn chim, máy xanh đỏ cho 18 đối tượng gồm: Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T. Thu giữ: 01 máy xanh đỏ, 02 máy bắn cá (máy tiên cánh và cá chép), 01 máy bắn chim, 24 ghế inox, 01 đầu thu camera, 01 đầu phát wifi, 16 chìa khóa các loại, 01 thiết bị màu đen dùng để kiểm tra điểm, 04 thẻ từ lên xuống điểm, 01 giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng mang tên Đoàn Văn T, 01 giấy nộp tiền vào tài khoản mang tên Phạm Hoài Ngọc Đ, 01 sổ tính tiền thắng thua ngày 16/3/2021, số tiền 99.050.000 đồng, 100 USD cùng 27 điện thoại di động và 17 xe môtô các loại giải giao. Công an Phường 15, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Tiếp tục kiểm tra hành chính tại căn nhà số đường Bắc H, Phường H, Quận F, thu giữ 01 máy bắn cá, 01 máy cá chép, 01 máy tiên cánh và 01 máy bách điểu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Đăng T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P khai nhận về hành vi tổ chức đánh bạc của mình như sau:

Căn nhà số đường Hồ Bá K, Phường H, Quận F do Vũ Trọng D và một người tên P (chưa rõ lai lịch) thuê để tổ chức đánh bạc dưới hình thức trò chơi điện tử máy xanh đỏ, bắn chim, bắn cá. Tại đây, D và P mua máy trò chơi điện tử xanh đỏ, máy bắn chim, máy bắn cá và thuê nhân viên phục vụ, tổ chức cho những người tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền, bằng cách bán điểm và đổi điểm trên máy trò chơi điện tử của người chơi sang tiền để tính thắng thua. Đối với máy xanh đỏ, mỗi điểm tương đương 1.000 đồng, còn máy bắn chim, bắn cá, mỗi điểm tương đương 100 đồng. Ngoài địa chỉ trên thì D và P còn thuê nhà số 9B đường Bắc H, Phường H, Quận F, (đã trả mặt bằng từ tháng 02/2021) và đường Tô Hiến T, Phường E, Quận F (hiện không còn hoạt động và chỉ dùng để cất giữ máy bắn cá) để tổ chức đánh bạc. D và P thuê: các

bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Đăng T, đối tượng Cu L (không rõ lai lịch), Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P và Dương Văn L. Mỗi ngày việc tổ chức đánh bạc được chia thành 03 ca, ca thứ nhất khoảng từ 08 giờ đến 16 giờ; ca thứ hai khoảng từ 16 giờ đến 00 giờ; ca thứ 3 khoảng từ 00 giờ đến 08 giờ. Hằng ngày, D giao tiền vốn 60.000.000 đồng cho T để giao lại cho mỗi ca số tiền 20.000.000 đồng.

- Đoàn Văn T bắt đầu làm từ cuối tháng 10/2020 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng, có nhiệm vụ sửa máy. Ngày 21/02/2021, D nói T đứng ra ký hợp đồng thuê nhà số Hồ Bá K, Phường H, Quận F. Tính đến ngày bị bắt, T đã nhận được 04 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 40.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

- Nguyễn Đăng T bắt đầu làm từ cuối tháng 11/2020 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng, có nhiệm vụ giữ xe cho khách đến chơi, ca làm việc từ 08 giờ đến 20 giờ. Mỗi ngày, D giao cho T số tiền 60.000.000 đồng để đưa cho nhân viên lên điểm, có những lúc D chưa giao tiền kịp thì T lấy tiền của ca trước giao cho ca sau. Tính đến ngày bị bắt, T đã nhận được 03 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 30.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

- Phạm Văn H bắt đầu làm từ cuối tháng 12/2020 với mức lương là 10.000.000/tháng, có nhiệm vụ nhận tiền lên điểm, trả tiền thắng bạc cho người đánh bạc, tại ca thứ nhất H làm việc từ 08 giờ đến 16 giờ. Ngày 16/3/2021, H đã hết ca làm việc, trước đó H quản lý và lên điểm máy xanh đỏ, máy cá chép; H nhận tiền vốn lên điểm là 10.000.000 đồng từ T. Kết thúc ca 02 máy của H lỗ 11.000.000 đồng nên H dùng số tiền 1.800.000 đồng do khách trả nợ cho H để bù lỗ, còn lại 800.000 đồng. H đang tính tiền để giao ca cho Đ thì bị bắt quả tang. Tính đến ngày bị bắt, Hoàn nhận được 02 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 20.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

- Nguyễn Thị Thu H bắt đầu làm từ ngày 09/3/2021 với mức lương là 7.500.000 đồng/tháng, có nhiệm vụ nhận tiền lên điểm, trả tiền thắng bạc cho người đánh bạc, tại ca thứ nhất H làm việc từ 08 giờ đến 16 giờ. Ngày 16/3/2021, H đã hết ca làm việc, trước đó H quản lý máy tiên cánh, máy bắn chim; H nhận tiền vốn lên điểm là 10.000.000 đồng từ T. Kết thúc ca, 02 máy của H lời 12.700.000 đồng. H đã giao lại 10.000.000 tiền vốn cho T, còn tiền lời sẽ đưa lại cho H để bàn giao cho ca sau nhưng chưa kịp giao thì bị bắt. Do mới vào làm nên H chưa được trả lương.

- Phạm Hoài Ngọc Đ bắt đầu làm khoảng giữa tháng 10/2020 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng, có nhiệm vụ nhận tiền lên điểm, trả tiền thắng bạc cho người đánh bạc, tại ca thứ hai Ngọc Đ làm việc từ 16 giờ đến 00 giờ.

Ngày 16/3/2021, Ngọc Đ nhận bàn giao quản lý máy xanh đỏ, máy cá chép từ H, nhưng T chưa đưa tiền vốn cho Ngọc Đ. Tại thời điểm bắt quả tang, Ngọc Đ lên điểm cho các con bạc được số tiền 7.300.000 đồng và bị thu giữ. Tính đến ngày bị bắt, Đức đã nhận được 04 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 40.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

- Mai Hoàng P bắt đầu làm khoảng đầu tháng 02/2021, có nhiệm vụ nhận tiền lên điểm, trả tiền thắng bạc cho người đánh bạc, tại ca thứ hai P làm việc từ 16 giờ đến 00 giờ. Ngày 16/3/2021, P nhận bàn giao quản lý máy tiên cánh và máy bắn chim lại từ H và P đã nhận tiền vốn lên điểm 10.000.000 đồng từ T. Khi bắt quả tang, P đã đổi điểm trả cho Nguyễn Hữu Đ số tiền 2.600.000 đồng, còn lại số tiền 7.600.000 đồng. Tính đến ngày bị bắt, Đ đã nhận được 01 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 10.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T khai nhận về hành vi đánh bạc của mình như sau:

- Khoảng 12 giờ 10 phút ngày 16/3/2021, Trần Tất T mang theo số tiền 500.000 đồng đi đánh bạc tại máy xanh đỏ của ca 1, T đặt ké một người đàn ông (không rõ lai lịch) tổng cộng 04 lần, mỗi lần 50 điểm (tương đương 50.000 đồng), trong đó có 03 ván thắng và 01 ván huề. Khi người đàn ông đi về, T ngồi vào vị trí số 7 và trên máy có 150 điểm của T. T đưa 500.000 đồng cho Phạm Hoài Ngọc Đ (ca 2) mua 500 điểm, khi bị bắt trên máy của Trực có số điểm là 750 điểm.

- Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2021, Lê Thị Kim C mang theo số tiền 1.600.000 đồng để đánh bạc, C ngồi vào vị trí số 2 của máy xanh đỏ và kêu Ngọc Đ nạp 1.000 điểm, tương đương số tiền 1.000.000 đồng. Lúc này, có một người phụ nữ tên H (không rõ lai lịch) thông qua Ngọc Đ trả cho C số tiền 3.000.000 đồng. Ngọc Đ đưa lại cho C 2.000.000 đồng. C chơi được 01 ván thì bị bắt quả tang, trong máy còn 950 điểm, thu giữ của C số tiền 3.600.000 đồng.

- Khoảng 15 giờ 40 phút ngày 16/3/2021, Nguyễn Thị Ánh M mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, Trương Thúy L mang theo số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc. M và L ngồi chung vị trí số 4 của máy xanh đỏ, M đưa Ngọc Đ số tiền 500.000 đồng mua 500 điểm, L đưa Ngọc Đ 300.000 đồng mua 300 điểm. Khi chuẩn bị chơi ván thứ 3 thì bị bắt quả tang, lúc này trong máy của M

có 300 điểm, máy của L có 500 điểm. Thu giữ của M số tiền 500.000 đồng và L số tiền 1.000.000 đồng.

- Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 16/3/2021, Nguyễn Mỹ H mang theo số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, H ngồi tại vị trí số 3 của máy xanh đỏ và đưa Ngọc Đ số tiền 500.000 đồng mua 500 điểm. Lúc này, Trương Thúy L chơi ké H 250 điểm, còn lại 250 điểm của H. Tiền đổi điểm đưa Ngọc Đ thì H tự ứng ra trước. Tại thời điểm bắt quả tang, máy của H có 800 điểm, thu giữ của H số tiền 1.500.000 đồng.

- Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 16/3/2021, Nguyễn Thị Thu T mang theo số tiền 1.500.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. T ngồi tại vị trí số 6 của máy xanh đỏ và đưa Phạm Văn H số tiền 500.000 đồng mua 500 điểm. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Thị Hồng N đến ngồi chơi cùng T. N mang theo số tiền 3.300.000 đồng để đánh bạc; N đưa H số tiền 500.000 đồng mua 500 điểm cho máy của T. Cả hai chơi đến 16 giờ cùng ngày thì H hết ca nên xuống điểm. Lúc này T có 500 điểm nên nhận lại 500.000 đồng; Ngọc có 700 điểm nên nhận lại 700.000 đồng. Đến ca 2, của Phạm Hoài Ngọc Đ, T và N mỗi người đưa Ngọc Đ số tiền 500.000 đồng để nạp 1.000 điểm chơi tiếp. Khi bị bắt quả tang trên máy của T, N có tổng cộng 1.250 điểm, trong đó T có 550 điểm, N có 700 điểm. Thu giữ của T số tiền 1.000.000 đồng và của N số tiền 3.000.000 đồng.

- Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2021, Nguyễn Thị Phương T mang theo số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc, T đặt ké một người phụ nữ (không rõ lai lịch) tại vị trí số 8 của máy xanh đỏ. T đưa 500.000 đồng cho người phụ nữ, đến hết ca của Phạm Văn H thì T thua hết 500.000 đồng. Đến ca của Phạm Hoài Ngọc Đ, T đưa Ngọc Đ số tiền 200.000 đồng mua 200 điểm. Lúc này, có Võ Vương T (mang theo 11.800.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc) và Nguyễn Thị N (mang theo số tiền 9.200.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc) vào chơi chung vị trí số 8 với T. T đưa Ngọc Đ số tiền 1.000.000 đồng nạp 1.000 điểm; N đưa Ngọc Đ số tiền 500.000 đồng nạp 500 điểm. Tại thời điểm bắt quả tang, trong máy có tổng cộng 1.400 điểm, trong đó T có 150 điểm, T có 1.050 điểm và N có 200 điểm. Thu giữ của T số tiền 500.000 đồng, T số tiền 10.800.000 đồng và N số tiền 8.700.000 đồng.

- Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/3/2021, Thi Tuệ N mang theo số tiền 400.000 đồng để đánh bạc. Nghi ngồi vào vị trí số 5 của máy xanh đỏ và đưa cho Phạm Hoài Ngọc Đ số tiền 200.000 đồng mua 200 điểm nhưng chưa chơi. Đến 16 giờ cùng ngày, Chang Mỹ L mang theo số tiền 200.000 đồng để đánh bạc. L đưa N số tiền 100.000 đồng để cả hai cùng chơi chung, Nghi đưa tiền cho

Ngọc Đ để mua 100 điểm. Tại thời điểm bắt quả tang, trong máy có 300 điểm. Thu giữ của N số tiền 200.000 đồng và Linh số tiền 100.000 đồng.

- Khoảng 10 giờ ngày 16/3/2021, Hồ Quang M mang theo số tiền 19.400.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. M ngồi vào vị trí số 1 của máy xanh đỏ, M đưa Phạm Văn H số tiền 1.000.000 đồng mua 1.000 điểm để chơi. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Đăng Cảnh N (mang theo số tiền 5.900.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc) và Trần Thị Ngọc M (mang theo 1.700.000 đồng để sử dụng đánh bạc) đến chơi chung vị trí số 1 với M. Lúc này, trong máy M còn 1.000 điểm, N đưa cho Phạm Văn H số tiền 1.000.000 đồng mua 1.000 điểm. M mượn của M 400 điểm, mượn của N 300 điểm. Đến khi Phạm Hoài Ngọc Đ thay ca cho Phạm Văn H, N thua hết điểm nên đưa thêm cho Ngọc Đ 700.000 đồng để mua 700 điểm. Đến 16 giờ 15 phút, cả ba thua hết điểm nên M nói Phạm Hoài Ngọc Đ nạp thêm 1.000 điểm (M chưa đưa tiền cho Đ). M trả cho M 400 điểm và N 300 điểm. Khi chuẩn bị chơi tiếp thì bị bắt quả tang, trong máy có tổng cộng 1.000 điểm. Thu giữ của M số tiền 18.400.000 đồng, N số tiền 4.200.000 đồng và M số tiền 1.700.000 đồng.

- Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2021, Nguyễn Hữu Đ mang theo 7.600.000 đồng để đánh bạc. Hữu Đ đưa cho Mai Hoàng P số tiền 200.000 đồng mua 2000 điểm chơi máy bắn chim. Chơi khoảng 05 phút thì trong máy có 26.000 điểm. Hữu Đ nói P xuống điểm tính tiền, P đưa cho Hữu Đ 2.600.000 đồng. Sau đó, Hữu Đ đưa cho Phạm Ngọc Hoài Đ 200.000 đồng mua 2.000 điểm chơi máy bắn cá. Tại thời điểm bắt quả tang, trong máy của Hữu Đ có 1.638 điểm (tương đương 163.800 đồng), thu giữ của Hữu Đ số tiền 9.800.000 đồng.

- Khoảng 13 giờ ngày 16/3/2021, Nguyễn Văn C mang theo 600.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. C đưa cho Nguyễn Thị Thu H số tiền 500.000 đồng mua 5.000 điểm chơi máy bắn cá tiên cánh. Chơi được 45 phút thì thua hết nên ngồi coi. Tại thời điểm bắt quả tang, thu giữ của C 50.000 đồng.

- Khoảng 10 giờ ngày 16/3/2021, Nguyễn Thanh T mang theo 100.000 đồng để đánh bạc. Trung đưa cho Nguyễn Thị Thu H mua 1.000 điểm chơi máy bắn cá tiên cánh. Thua hết 1.000 điểm, T mua thêm 1.000 điểm nhưng chưa đưa tiền cho H. Sau đó, T chơi thua hết nên về nhà mượn tiền trả H nhưng không được (T còn nợ H 100.000 đồng). Đến 16 giờ cùng ngày, T quay lại ngồi lại coi và bị bắt quả tang.

Qua xác minh được biết ngày 26/11/2021, Vũ Trọng D đến điều trị tại Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa từ ngày 26/11/2021, do tình trạng tâm lý không ổn định nên không làm việc được với Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra

đã trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của Vũ Trọng D, tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 79/KL-VPYTW ngày 22/02/2022 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa – Bộ Y tế:

"- Về Y học:

+ Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh rối loạn trầm cảm tái diễn, hiện tại giai đoạn nặng không có triệu chứng loạn thần.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không đủ căn cứ để khởi tố đối với Vũ Trọng D, đã bàn giao D cho gia đình và thông báo cho địa phương nơi D cư trú biết để quản lý, giám sát.

Ngày 07/3/2022, Công an xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bắt truy nã Dương Văn L và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10. Tại Cơ quan điều tra, L khai bắt đầu vào làm khoảng đầu tháng 12/2020 với mức lương là 10.000.000 đồng/tháng. Ngày 16/3/2021, do L làm ca thứ ba, từ 00 giờ đến 08 giờ sáng nên tại thời điểm bắt quả tang L không có mặt. Tính đến ngày bị bắt, L đã nhận được 03 tháng lương, thu lợi bất chính được số tiền là 30.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Đối với căn nhà đường Hồ Bá K, Phường H, Quận F do bà Bùi Thị Hoài X đứng tên chủ sở hữu. Ngày 18/7/2020, anh Chí Chánh Ố thuê lại căn nhà trên và có làm hợp đồng công chứng. Ngày 21/02/2021, anh Ố cho Đoàn Văn T thuê lại mặt bằng tầng trệt với giá 30.000.000/tháng. Anh Ố chỉ biết T thuê mặt bằng để kinh doanh còn cụ thể là làm gì thì anh không biết.

Đối với căn nhà đường Bắc H, Phường H, Quận F do ông Trần M và vợ là bà Lê Thị Ngọc Á đứng tên chủ sở hữu. Ngày 12/10/2020, ông M cho Vũ Trọng D thuê lại với giá 45.000.000 đồng/tháng và có làm hợp đồng. Ông M không biết D thuê mặt bằng để kinh doanh gì. Ngày 16/3/2021, qua kiểm tra địa điểm trên không hoạt động và thu giữ 01 máy bắn cá, 01 máy cá chép, 01 máy tiên cánh, 01 máy bách điểu.

Đối với căn nhà đường Tô Hiến T, Phường H, Quận F do ông Lê Tấn T và vợ là bà Trương Thị D đứng tên chủ sở hữu. Tháng 12/2020, ông T cho Vũ Trọng D thuê lại với giá 40.000.000 đồng/tháng và có làm hợp đồng công chứng. Tháng 02/2021, do phát hiện D tổ chức cho nhiều người chơi bắn cá nên ông T lấy lại nhà và đã thanh lý hợp đồng vào ngày 25/02/2021.

Vật chứng vụ án:

- 01 máy xanh đỏ, 05 máy bắn cá (03 máy tiên cánh và 02 máy cá chép), 01 máy bắn chim, 01 máy bách điểu, 24 ghế inox, 01 đầu thu camera, 01 đầu phát wifi, 04 thẻ từ dùng để lên xuống điểm, 16 chìa khóa các loại, 01 thiết bị màu đen dùng để kiểm tra điểm.

- Thu giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A70 là phương tiện liên lạc liên quan đến việc tổ chức đánh bạc, số tiền 500.000 đồng là tài sản cá nhân.

- Thu giữ của T:

+ 01 xe môtô biển số 59D1-248.92, xác minh xe do bà Phạm Thị H đứng tên chủ sở hữu. Giữa năm 2019, bà H bán xe cho T và có làm hợp đồng công chứng. T sử dụng xe làm phương tiện để đi làm.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, dùng là phương tiện liên lạc liên quan đến việc tổ chức đánh bạc; số tiền 900.000 đồng, là tài sản cá nhân của T.

- Thu giữ của H: 02 điện thoại di động hiệu Samsung, số tiền 800.000 đồng, là phương tiện liên lạc, tiền liên quan đến việc tổ chức đánh bạc và số tiền 2.200.000 đồng là tài sản cá nhân của H.

- Thu giữ của H: 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 12.700.000 đồng là phương tiện liên lạc, tiền liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

- Thu giữ của Ngọc Đ:

+ 01 xe môtô biển số 59S2-963.38, xe do Ngọc Đ đứng tên chủ sở hữu. Đ sử dụng xe làm phương tiện để đi làm.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X và số tiền 7.300.000 đồng là phương tiện liên lạc, tiền liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

- Thu giữ của P: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, số tiền 7.600.000 đồng là phương tiện liên lạc, tiền liên quan đến việc tổ chức đánh bạc và số tiền 2.000.000 đồng là tài sản cá nhân.

- Thu giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Nokia là tài sản cá nhân.

- Thu giữ của C: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max là tài sản cá nhân, số tiền 3.600.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của Ánh M: 01 điện thoại di động hiệu Samsung là tài sản cá nhân, số tiền 500.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X là tài sản cá nhân, số tiền 1.000.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus là tài sản cá nhân, số tiền 1.500.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số tiền 1.000.000 đồng, đây là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của Hồng N: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi là tài sản cá nhân, có dùng liên lạc với Phạm Văn H để đến đánh bạc; số tiền 3.000.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của T: 02 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và Nokia là tài sản cá nhân; số tiền 500.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 10.800.000 đồng, là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của N: 01 điện thoại di động hiệu Vivo và số tiền 8.700.000 đồng, là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của N: 01 điện thoại di động hiệu Phillips, là tài sản cá nhân; số tiền 200.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của L: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5C, là tài sản cá nhân; số tiền 100.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của Quang M: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 18.400.000 đồng, là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của Cảnh N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 4.200.000 đồng, 100 USD, là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của M: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, là tài sản cá nhân; số tiền 1.700.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc.

- Thu giữ của Hữu Đ: số tiền 9.800.000 đồng, là tiền dùng để đánh bạc và thắng bạc.

- Thu giữ của C:

+ 01 xe môtô biển số 55Y4-5993, xác minh xe do ông Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu. Ông L khai đã bán xe cho người khác (không rõ lai lịch). C khai mượn xe của một người bạn tên T (không rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành đăng báo nhưng hiện chưa có kết quả.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và số tiền 50.000 đồng, là các tài sản cá nhân không liên quan đến việc đánh bạc.

- Thu giữ của T:

+ 01 xe môtô biển số 54H1-7250, xác minh xe do ông Hàng B đứng tên chủ sở hữu. Năm 2018, ông B bán xe cho T nhưng không làm giấy tờ mua bán.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, là tài sản cá nhân của T.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 có quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

- 02 giấy nộp tiền vào tài khoản, 01 sổ tính tiền thắng thua (lưu trữ cùng hồ sơ vụ án).

- Thu giữ của Tiển: 01 xe môtô biển số 71C2-609.23, xác minh xe do bà Thái Thị Cẩm T (là vợ của T) đứng tên chủ sở hữu. T sử dụng xe trên làm phương tiện đi lại. Bà T không biết T sử dụng xe trên làm phương tiện để đi tổ chức đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà T là có cơ sở.

- Thu giữ của H: 01 xe môtô biển số 73E1-348.79, xe do bà Nguyễn Thị H (là mẹ của H) đứng tên chủ sở hữu. Bà H đưa xe cho H làm phương tiện đi lại. Bà H không biết H sử dụng xe trên làm phương tiện để đi tổ chức đánh bạc. Cơ quan điều tra trả lại xe cho bà H là có cơ sở.

- Thu giữ của Ánh M: 01 xe môtô biển số 59V2-426.20, xe do bà Lê Ánh T đứng tên chủ sở hữu. Năm 2018, bà T bán xe cho bà Huỳnh Ngọc Thảo T (là con gái của Ánh M). Ngày 16/3/2021, Ánh M mượn xe của T để đi công việc và sau đó bị bắt. Cơ quan điều tra trả lại xe cho bà T là có cơ sở.

- Thu giữ của L: 01 xe môtô biển số 59M2-267.39, xe do bà La Thu H (là bạn của L) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 16/3/2021, L mượn xe của bà H để đi công việc và sau đó bị bắt. Cơ quan điều tra trả lại xe cho bà H là có cơ sở.

- Thu giữ của T: 01 xe môtô biển số 59K2-231.27, xác minh xe do bà Phạm Thị Bích N đứng tên chủ sở hữu. Năm 2019, bà N bán xe cho T nhưng chưa sang tên. Cơ quan điều tra đã giao xe cho bà Vương Thị Ngọc T (là mẹ của T) để quản lý là có cơ sở.

- Thu giữ của N: 01 xe môtô biển số 53R3-2473, xác minh xe do bà Huỳnh Thị Ngọc H đứng tên chủ sở hữu. Bà H đưa xe cho một người em tên H đưa cho N thuê với giá 500.000 đồng/tháng. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà H là có cơ sở.

- Thu giữ của M: 01 xe môtô biển số 59V2-659.81, xác minh xe do bà Phan Thị N đứng tên chủ sở hữu. Ngày 16/3/2021, M mượn xe của bà N để đi công việc và sau đó bị bắt. Cơ quan điều tra trả lại xe cho bà N là có cơ sở.

- Thu giữ của T: 01 xe môtô biển số 51Y2-2658, xác minh xe do ông Võ Hoàng C đứng tên chủ sở hữu. Năm 2002, ông C bán lại xe cho T nhưng chưa sang tên. T không sử dụng xe vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho T là có cơ sở.

- Thu giữ của N: 01 xe môtô biển số 54H4-0214, xác minh xe do bà Trần Minh T đứng tên chủ sở hữu. Năm 2010, bà T bán xe cho ông Lê Gia Anh D. Năm 2019, ông D bán xe cho N. N không sử dụng xe vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho N là có cơ sở.

- Thu giữ của N: 01 xe môtô biển số 50N1-064.59, xác minh xe do bà Phạm Thị Thu H đứng tên chủ sở hữu. Ngày 25/11/2020, bà H bán xe cho bà Ngô Thị Liên C và có làm hợp đồng công chứng. Sau đó, bà C bán xe cho N. N không sử dụng xe vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho N là có cơ sở.

- Thu giữ của Quang M: 01 xe môtô biển số 59H1-450.82, xác minh xe do Quang M đứng tên chủ sở hữu. M không sử dụng xe vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho M là có cơ sở.

- Thu giữ của T: 01 xe môtô biển số 59U2-150.02, xác minh xe do T đứng tên chủ sở hữu. T không sử dụng xe vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho T là có cơ sở.

- Thu giữ của H: 01 xe môtô biển số 52T3-3643, xác minh xe do bà Nguyễn Mỹ T (là em gái của H) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 16/3/2021, H mượn xe của bà T để đi công việc và sau đó bị bắt. Cơ quan điều tra đã trả xe cho bà T là có cơ sở.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 có quyết định chuyển vật chứng đến C cục thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSQ10 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Đăng T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L về tội: "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương

T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Tại phiên toà bị cáo Dương Văn L khai đã làm được 03 tháng nhưng mới nhận được hai tháng lương với số tiền 20.000.000 đồng, tháng thứ ba chưa kịp nhận lương thì bị bắt nên số tiền thu lợi bất chính chỉ 20.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L.

Xử phạt các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P mỗi bị cáo 02 năm 22 ngày tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Dương Văn L từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 7/3/2022.

Miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T;

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ;

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Thi Tuệ N.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Ánh M, Võ Vương T, Chang Mỹ L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Lê Thị Kim C, Nguyễn Mỹ H, Trương Thuý L, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Xử phạt các bị cáo Trần Tất T, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2023 nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021 đến ngày 13/5/2021.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Ý kiến của các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy

lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người làm chứng, nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng tạm giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vũ Trọng D và P (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã tổ chức đánh bạc cho 18 người, sử dụng địa điểm do mình quản lý để tổ chức đánh bạc cho 18 người, số tiền dùng để đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá trên 20.000.000 đồng, có phân công người phục vụ, canh gác khi đánh bạc. Các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L biết rõ việc tổ chức đánh bạc của D và P và đã giúp sức tích cực cho Vũ Trọng D và P tổ chức đánh bạc nên các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L bị truy tố và xét xử về tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T tham gia đánh bạc dưới hình thức máy xanh, đỏ; máy bắn tiên cánh, bắn cá, đây là trường hợp "một người đánh bạc với nhiều người"; do đó số tiền đánh bạc đối với từng bị cáo được xác định là số tiền của nhà cái + số tiền của con bạc dùng để đánh bạc + số tiền của con bạc chơi ké cùng vị trí (nếu có) như ở phần lập luận tại nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10. Do vậy các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T bị truy tố và xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với đối tượng tên P là người tổ chức đánh bạc, hiện chưa rõ lai lịch, địa chỉ. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp tục làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Vũ Trọng D là người tổ chức đánh bạc giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu. Tuy nhiên kết luận giám định của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hoà – Bộ Y tế xác định tại thời điểm gây án Vũ Trọng D mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Đăng T đã tử vong trước khi mở phiên toà ngày hôm nay và đã được đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Đăng T (Theo Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2023/HSST-HS ngày 21/3/2023 của Toà án nhân dân Quận 10).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự trị an xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò và tính chất mức độ khác nhau nên cần phải phân hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo cho phù hợp, cụ thể như sau:

Đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Nguyễn Thị Thu H: Các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức tích cực cho người tổ chức đánh bạc. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên các bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam hơn 02 năm nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Đối với bị cáo Dương Văn L: Bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức cho người tổ chức nhưng vai trò không đáng kể, bị cáo làm ca 3 từ 01 giờ đến 8 giờ sáng cùng ngày, tại thời điểm bắt quả tang bị cáo không có mặt do chưa tới lượt ca của mình, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng và bị bắt theo Quyết định truy nã nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Bị cáo đã bị tạm giam hơn 01 năm. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo Dương Văn L bằng thời hạn tạm giam.

Đối với các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T: Các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người thực

hành, trực tiếp tham gia sát phạt ăn thua với nhà cái. Tuy nhiên số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc không nhiều mà chủ yếu là tiền của người tổ chức. Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cũng đã đủ răn đe đối với các bị cáo, đồng thời Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào số tiền đánh bạc của từng bị cáo để cân nhắc khi quyết định hình phạt của từng bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Thi Tuệ N (sử dụng số tiền 400.000 đồng để đánh bạc), mặc dù năm 2013 bị cáo bị kết án 01 năm tù về tội đánh bạc nhưng đã được xoá án tích từ năm 2015 (đã hơn 7 năm). Bị cáo phạm tội nhưng chỉ phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc không nhiều chỉ 400.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo hiện đã ly hôn với chồng, hiện đang sống một mình. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cũng đã đủ răn đe đối với bị cáo Thi Tuệ N. Bị cáo N hiện sống một mình, sống chủ yếu dựa vào tiền công phụ giúp việc nhà nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành. Bị cáo là người sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều nhất trong số các bị cáo còn lại. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân không tốt. Do vậy Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Đồng thời phạt bổ sung bị cáo một số tiền nộp ngân sách nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L, Thi Tuệ N có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình

phạt đối với từng bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với 01 máy xanh đỏ, 05 máy bắn cá (03 máy tiên cánh và 02 máy cá chép), 01 máy bắn chim, 01 máy bách điểu, 24 ghế inox, 01 đầu thu camera, 01 đầu phát wifi, 04 thẻ từ dùng để lên xuống điểm, 16 chìa khóa các loại, 01 thiết bị màu đen dùng để kiểm tra điểm. Xét thấy đây là công cụ sử dụng để phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A70 thu giữ của bị cáo Đoàn Văn T, 02 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 800.000 đồng thu giữ của bị cáo H, 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 12.700.000 đồng thu giữ của bị cáo H, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X và số tiền 7.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus và số tiền 7.600.000 đồng thu giữ của bị cáo P; số tiền 3.600.000 đồng thu giữ của bị cáo C, số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ánh M, số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo L, số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Hồng N; số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo T; số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo Thi Tuệ N; số tiền 100.000 đồng của bị cáo Chang Mỹ L; số tiền 1.700.000 đồng thu giữ của bị cáo M; số tiền 9.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Hữu Đ. Xét thấy đây là phương tiện và tiền dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 59D1-248.92 và số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đăng T đã được xử lý trả lại cho hai con của bị cáo Nguyễn Đăng T theo Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2023/HSST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân Quận 10; số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo T; số tiền 2.200.000 đồng thu giữ của bị cáo H; 01 xe môtô biển số 59S2-963.38 thu giữ của bị cáo Đ; số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của bị cáo P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max thu giữ của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu giữ của bị cáo Ánh M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo T; 02 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và Nokia thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 10.800.000 đồng thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Vivo và số tiền 8.700.000 đồng của bị cáo N; 01 điện

thoại di động hiệu Phillips thu giữ bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5C thu giữ của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 18.400.000 đồng thu giữ bị cáo Hồ Quang M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 4.200.000 đồng, 100 USD thu giữ của Cảnh N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus thu giữ của bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và số tiền 50.000 đồng thu giữ của bị cáo C; 01 xe môtô biển số 54H1-7250 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo T. Xét thấy đây là tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho các bị cáo nhưng cần kê biên để bảo đảm thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 55 Y4 - 5993 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn C, nhưng hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đến liên hệ nhận. Xét thấy đây là phương tiện của bị cáo sử dụng nhưng hiện không xác định ai là chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử quyết định giao Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 thông báo trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày đăng báo để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm mà không tìm được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe trên thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 02 giấy nộp tiền vào tài khoản, 01 sổ tính tiền thắng thua (lưu trữ cùng hồ sơ vụ án).

Đối với số tiền lương mà các bị cáo đã nhận gồm bị cáo T 40.000.000 đồng, bị cáo H 20.000.000 đồng, bị cáo Đ 40.000.000 đồng. Bị cáo P 10.000.000 đồng, bị cáo L 20.000.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Các bị cáo đã tiêu xài hết thì phải có trách nhiệm giao nộp lại.

Đối với số tiền mà các bị cáo khai đã chuyển khoản cho Vũ Trọng D bao gồm cả tiền cá nhân, tiền thắng bạc nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu, tiền nào tiền cá nhân, tiền nào là tiền dùng để phạm tội. Toà án nhân dân Quận 10 đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được nên không có cơ sở để tịch thu. Đề nghị Ngân hàng TMCP Á C – Phòng giao dịch Hàm T, Chi nhánh Châu Văn L mở lại tài khoản số 94988888 cho khách hàng Vũ Trọng D.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Thi Tuệ N.

- Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ;

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Tất T, Lê Thị Kim C, Nguyễn Thị Ánh M, Trương Thúy L, Nguyễn Mỹ H, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Phương T, Võ Vương T, Nguyễn Thị N, Thi Tuệ N, Chang Mỹ L, Hồ Quang M, Nguyễn Đăng Cảnh N, Trần Thị Ngọc M, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thanh T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (hai) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (hai) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 (hai) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoài Ngọc Đ 02 (hai) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Mai Hoàng P 02 (hai) năm 22 (hai mươi hai) ngày tù, bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Dương Văn L 01 (một) năm 01 (một) tháng tù, bằng thời hạn tạm giam.

Miễn phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Mai Hoàng P, Phạm Hoài Ngọc Đ, Dương Văn L.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Đoàn Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị Thu H, Phạm Hoài Ngọc Đ, Mai Hoàng P, Dương Văn L, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh M 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Võ Vương T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Chang Mỹ L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim C 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mỹ H 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trương Thuý L 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Thi Tuệ N 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Tất T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Hồ Quang M 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Cảnh N 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc M 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2023 nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2021 đến ngày 13/5/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu Đ 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 máy xanh đỏ, 05 máy bắn cá (03 máy tiên cánh và 02 máy cá chép), 01 máy bắn chim, 01 máy bách điểu, 24 ghế inox, 01 đầu thu camera, 01 đầu phát wifi, 04 thẻ từ dùng để lên xuống điểm, 16 chìa khóa các loại, 01 thiết bị màu đen dùng để kiểm tra điểm; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A70, 03 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và số tiền 50.300.000 (năm mươi triệu ba trăm nghìn) đồng từ các bị cáo.

Trả lại số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho bị cáo T, số tiền 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng cho bị cáo H, 01 xe môtô biển số 59S2-963.38, số khung: RLHJF7301GY050604, số máy: JF73E – 0050629; nhãn hiệu Honda, màu sơn: Bạc đen, số loại: SH 125I, loại xe: hai bánh từ 50 – 175 cm3, dung tích xi lanh: 124 cho bị cáo Ngọc Đ; số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng cho bị cáo P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max cho bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Samsung cho bị cáo Ánh M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X cho bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus cho bị cáo H; 01 điện thoại di động

hiệu Samsung và số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng cho bị cáo T; 02 điện thoại di động hiệu Iphone 7 và Nokia cho bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và số tiền 10.800.000 (mười triệu tám trăm nghìn) đồng cho bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Vivo và số tiền 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng cho bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Phillips cho bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5C cho bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 18.400.000 (mười tám triệu bốn trăm nghìn) đồng cho bị cáo Hồ Quang M; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus và số tiền 4.200.000 (bốn triệu hai trăm nghìn) đồng, 100 (một trăm) USD cho bị cáo Cảnh N; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus cho bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng cho bị cáo C; 01 xe môtô biển số 54H1-7250, số khung: AH8H-502482, số máy: VA1KH -502482; nhãn hiệu ANGEL, màu sơn: đỏ - đen, số loại: EZ10RVD3, loại xe: hai bánh, dung tích xi lanh: 108 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia cho bị cáo T nhưng cần kê biên để bảo đảm thi hành án.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo với thời hạn 01 năm đối với chiếc xe mô tô biển số 55 Y4 - 5993, số khung: CG1VH81-001154, số máy: 150FMG-1001154, nhãn hiệu: /, số loại: C100-E2, loại xe: Hai bánh, màu sơn: tím, dung tích xi lanh: 97 để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu có đến nhận. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng báo mà không có ai là chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/6/2022 giữa Công an Quận 10 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đoàn Văn T là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, của bị cáo Phạm Văn H là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, của bị cáo Phạm Hoài Ngọc Đ số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, Mai Hoàng P số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, của bị cáo Dương Văn L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Các bị cáo đã tiêu xài hết thì có trách nhiệm giao nộp lại.

Buộc mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (3)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (92)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết